TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **04**/2025/QĐCNHGT-KDTM	*H, ngày 25 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, TP. H

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 297, Điều 302, Điều 303, Điều 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 112, điểm c và đ khoản 1 Điều 113, Điều 123, Điều 144, Điều 146, Điều 147 Luật xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 22, Điều 28, Điều 24, khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-Cổ phần ngày 22/4/2015 Nghị định quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Căn cứ vào Điều 4 Nghị định 16/2021/NĐ-Cổ phần ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định về mức thu chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án với tranh chấp kinh doanh, thương mại có giá ngạch.

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Công Ty Cổ phần X và Công Ty Cổ phần D.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về Tranh chấp Hợp đồng thầu phụ ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Công Ty Cổ phần X.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Người Khởi Kiện: **Công Ty Cổ phần X**

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa tháp X, đường T, quận H, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn C.T, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Phạm M.H, sinh năm 1977 (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/12/2024).

2. Người Bị Kiện: **Công Ty Cổ phần D**

Địa chỉ: Ô 30, Lô E2/D21, Khu đô thị mới C, đường T, phường D, quận C Thành phố H

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T.K, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Hoàng M.T, chức vụ: Giám đốc hành chính nhân sự (Theo Giấy ủy quyền số 06/2024/UQ-DRC ngày 01 tháng 12 năm 2024).

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 02 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 02 năm 2025, cụ thể như sau:

1.1. Công Ty Cổ phần X và Công Ty Cổ phần D cùng thống nhất thỏa thuận Công Ty Cổ phần D còn nợ Công Ty Cổ phần X khoản tiền nợ gốc là 2.273.652.038 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 20/2/2025 là 519.027.208 đồng (Năm trăm mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm linh tám đồng) phát sinh từ Hợp đồng thầu phụ số 2001-2020/HĐTP/DRC-XMC ngày 20/01/2020 và 07 (Bảy) Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

Xác định tính đến ngày 20/2/2025 Công Ty Cổ phần D còn nợ Công Ty Cổ phần X tổng số tiền là 2.792.679.246 đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 2.273.652.038 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi chậm thanh toán là 519.027.208 đồng (Năm trăm mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm linh tám đồng) phát sinh từ Hợp đồng thầu phụ số 2001-2020/HĐTP/DRC-XMC ngày 20/01/2020 và 07 (Bảy) Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

1.2. Công Ty Cổ phần D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công Ty Cổ phần X tổng số tiền là 2.792.679.246 đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 2.273.652.038 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi chậm thanh toán là 519.027.208 đồng (Năm trăm mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm linh tám đồng) phát sinh từ Hợp đồng thầu phụ số 2001-2020/HĐTP/DRC-XMC ngày 20/01/2020 và 07 (Bảy) Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

1.3. Công Ty Cổ phần X và Công Ty Cổ phần D cùng thống nhất thỏa thuận về phương án thanh toán số tiền nợ gốc là 2.273.652.038 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm ba mươi tám đồng) như sau:

+ Trong 06 (Sáu) tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến tháng 8/2025, Công Ty Cổ phần D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công Ty Cổ phần X mỗi tháng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nợ gốc vào ngày 28 hàng tháng

+ Kể từ tháng 9/2025 cho đến tháng 6/2026, Công Ty Cổ phần D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công Ty Cổ phần X mỗi tháng 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc vào ngày 28 hàng tháng.

+ Tháng 7/2026, Công Ty Cổ phần D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công Ty Cổ phần X số tiền nợ gốc còn lại là 173.652.038 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm ba mươi tám đồng).

1.4. Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận nếu Công Ty Cổ phần D thanh toán đầy đủ và đúng hạn đã cam kết đối với khoản nợ gốc nêu trên thì Công Ty Cổ phần X sẽ miễn cho Công Ty Cổ phần D khoản nợ lãi là 519.027.208 đồng (Năm trăm mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm linh tám đồng).

1.5. Hai bên thống nhất thỏa thuận trong trường hợp Công Ty Cổ phần D không thực hiện đúng cam kết trả tiền nợ gốc cho Công Ty Cổ phần X, thì ngoài số nợ gốc và lãi phải thanh toán thì Công Ty Cổ phần D còn phải tiếp tục thanh toán lãi suất trên số nợ gốc chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán và số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 kể từ ngày Công Ty Cổ phần D chậm thanh toán, cho đến khi thanh toán xong.

1.6. Nếu Công Ty Cổ phần D vi phạm bất kỳ một thời hạn thanh toán nào nêu trên thì Công Ty Cổ phần X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc Công Ty Cổ phần D phải thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi quy định tại mục 1.4 và mục 1.5 của Quyết định.

1.7. Lệ phí hòa giải cơ sở kinh doanh thương mại: Công Ty Cổ phần X và Công Ty Cổ phần D cùng thống nhất thỏa thuận Công Ty Cổ phần X chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và Công Ty Cổ phần D chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) lệ phí hòa giải theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- VKSND quận C, Thành phố H;
- Chi cục THADS quận C, TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

VŨ THỊ THU HẰNG